

## TÌM HIỂU VỀ LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN

### **Câu 1. “Thông tin” theo quy định của Luật được hiểu như thế nào?**

#### **Trả lời:**

“*Thông tin*” là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra (quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật).

Như vậy, các thông tin nói chung, thông tin truyền miệng hay các thông tin do chủ thể ngoài nhà nước tạo ra không được coi là thông tin mà Luật điều chỉnh.

### **Câu 2. Thế nào là “Thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra”?**

#### **Trả lời:**

“*Thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra*” là tin, dữ liệu được tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản (quy định tại khoản 2 Điều 2 của Luật).

### **Câu 3. Thế nào là “tiếp cận thông tin”?**

#### **Trả lời:**

“*Tiếp cận thông tin*” được hiểu là các biện pháp, phương thức để người dân biết được thông tin đó, bao gồm đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp thông tin (quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật).

### **Câu 4. Thế nào là “cung cấp thông tin”?**

#### **Trả lời:**

“*Cung cấp thông tin*” được hiểu là các biện pháp để cơ quan nhà nước chuyển tải thông tin đến người dân, bao gồm việc cơ quan nhà nước công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân (quy định tại khoản 4 Điều 2 của Luật).

**Câu 5. Việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin được thực hiện theo những nguyên tắc nào?**

#### **Trả lời:**

Nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin được quy định cụ thể như sau:

(1) Mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin;

(2) Thông tin được cung cấp phải chính xác, đầy đủ;

(3) Việc cung cấp thông tin phải kịp thời, minh bạch, thuận lợi cho công dân; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật;

(4) Việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin phải do luật định trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng;

(5) Việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác.

(6) Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin (quy định tại Điều 3 của Luật).

Ngoài ra, đối với việc cung cấp thông tin trong các đơn vị quân đội nhân dân thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, như sau:

(1) Thông tin được cung cấp phải do chính Thủ trưởng cấp mình hoặc cơ quan, đơn vị mình tạo ra, trừ thông tin không được tiếp cận quy định tại Điều 6 của Luật, thông tin được tiếp cận có điều kiện thì cung cấp khi có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 7 của Luật;

(2) Việc cung cấp thông tin tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật quân sự, quốc phòng;

(3) Bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; phù hợp với tính chất của thông tin được yêu cầu cung cấp và khả năng của cơ quan, đơn vị mình.

## **Câu 6. Những người nào có quyền tiếp cận thông tin?**

### **Trả lời:**

Chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin, gồm:

(1) Công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin;

(2) Người mất năng lực hành vi dân sự thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin thông qua người giám hộ;

(3) Người dưới 18 tuổi yêu cầu cung cấp thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật, trừ trường hợp luật về trẻ em và luật khác có quy định khác (quy định tại Điều 4 của Luật).

Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có quyền yêu cầu cung cấp thông tin liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của họ. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam được áp dụng theo quy định của Luật này (quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật)

**Câu 7. Trong trường hợp Luật Tiếp cận thông tin và các luật khác có quy định khác nhau về việc tiếp cận thông tin thì áp dụng quy định của luật nào?**

**Trả lời:**

Luật Tiếp cận thông tin được áp dụng chung, thống nhất cho việc tiếp cận thông tin của công dân; tuy nhiên, nhằm tạo điều kiện để người dân thực hiện tối đa quyền tiếp cận thông tin của mình, Luật cũng quy định nguyên tắc áp dụng pháp luật: trong trường hợp luật khác có quy định về việc tiếp cận thông tin mà không trái với các nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin được quy định tại của Luật thì được thực hiện theo quy định của luật đó (quy định tại Điều 16 của Luật).

**Câu 8. Cung cấp thông tin theo yêu cầu cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Việc yêu cầu cung cấp thông tin của công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp (sau đây gọi chung là tổ chức) được thực hiện trong trường hợp nhiều người trong tổ chức có cùng yêu cầu tiếp cận đối với thông tin giống nhau. Tổ chức yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm cử người đại diện để thực hiện việc yêu cầu cung cấp thông tin.

Người đại diện có trách nhiệm lập Danh sách những người có cùng yêu cầu cung cấp thông tin giống nhau, gửi Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin kèm theo Danh sách những người yêu cầu đến cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin và thực hiện việc yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định.

Danh sách những người yêu cầu cung cấp thông tin phải có đầy đủ các nội dung sau: Họ, tên; số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu và lý do, mục đích của từng người yêu cầu.

(quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật và được Chính phủ quy định cụ thể tại Điều 4 Nghị định số 13/2018/NĐ-CP)

**Câu 9. Những thông tin nào của cơ quan nhà nước mà công dân không được tiếp cận?**

**Trả lời:**

Các loại thông tin mà công dân không được tiếp cận bao gồm:

(1) Thông tin thuộc bí mật nhà nước, bao gồm những thông tin có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ và các lĩnh vực khác theo quy định của luật; tuy nhiên, khi thông tin thuộc bí mật nhà nước được giải mật, công dân được tiếp cận theo quy định của Luật;

(2) Thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác; thông tin thuộc bí mật công tác; thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan nhà nước; tài liệu do cơ quan nhà nước soạn thảo cho công việc nội bộ

(quy định tại Điều 6 của Luật).

**Câu 10. Những thông tin nào của cơ quan nhà nước mà công dân có thể tiếp cận trong những điều kiện nhất định?**

**Trả lời:**

Các trường hợp thông tin của cơ quan nhà nước mà công dân được tiếp cận có điều kiện, đó là:

(1) Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh được tiếp cận trong trường hợp chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý;

(2) Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp được người đó đồng ý; thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý.

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan nhà nước quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý của: chủ sở hữu bí mật kinh doanh đối với thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh; cá nhân đối với bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân; các thành viên gia đình đối với bí mật gia đình

(quy định tại Điều 7 của Luật)

**Câu 11. Theo quy định của Luật, quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Các quyền và nghĩa vụ của công dân trong tiếp cận thông tin được quy định gồm:

(1) Công dân có các quyền sau: Được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời; khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin.

(2) Công dân có các nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin, đó là: tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin; không làm sai lệch nội dung thông tin đã được cung cấp; không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin

(quy định tại Điều 8 của Luật)

**Câu 12. Những cơ quan nào có trách nhiệm cung cấp thông tin?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra, trừ trường hợp quy định tại Điều 6 của Luật; đối với trường hợp quy định tại Điều 7 của Luật thì cơ quan nhà nước cung cấp thông tin khi có đủ điều kiện theo quy định.

Đối với UBND cấp xã, do cơ quan này là nơi tiếp nhận hầu hết các thông tin chính thức của các cơ quan nhà nước cấp trên (như các chủ trương, chính sách, văn bản pháp luật...) và là cấp cơ sở gần với người dân nhất, là nơi cung cấp và giải đáp mọi nhu cầu, vướng mắc cho người dân, nên để tạo thuận lợi cho công dân và giảm chi phí tiếp cận thông tin cho công dân, Luật Tiếp cận thông

tin quy định: ngoài trách nhiệm cung cấp thông tin do mình và do các cơ quan ở cấp mình tạo ra, UBND cấp xã còn có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình nhận được từ cơ quan khác để trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trừ trường hợp quy định tại Điều 6 của Luật này; đối với trường hợp quy định tại Điều 7 của Luật này thì cung cấp thông tin khi có đủ điều kiện theo quy định (khoản 1 và điểm h khoản 2 Điều 9 Luật).

**Câu 13. Cơ quan nào chịu trách nhiệm trực tiếp cung cấp thông tin của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, HĐND, UBND?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật, cơ quan nhà nước trực tiếp tổ chức thực hiện việc cung cấp thông tin do mình tạo ra. Tuy nhiên, khoản này của Luật cũng quy định một số cơ quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cung cấp thông tin do các cơ quan khác tạo ra, cụ thể là:

(1) Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm cung cấp thông tin do Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

(2) Văn phòng Chủ tịch nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do Chủ tịch nước tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

(3) Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm cung cấp thông tin do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

(4) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội có trách nhiệm cung cấp thông tin do Đoàn đại biểu Quốc hội tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

(5) Văn phòng HĐND cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin do HĐND, Thường trực HĐND, các cơ quan của HĐND cấp tỉnh tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

(6) Văn phòng UBND cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin do UBND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

(7) Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện có trách nhiệm cung cấp thông tin do HĐND, Thường trực HĐND, các cơ quan của HĐND, UBND, Chủ tịch UBND cấp huyện tạo ra và thông tin do mình tạo ra.

(8) UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp cho công dân cư trú trên địa bàn thông tin do mình và do các cơ quan ở cấp mình tạo ra, thông tin do mình nhận được để trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; cung cấp cho công

dân khác thông tin này trong trường hợp liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

**Câu 14. Cơ quan nhà nước thực hiện những phương thức nào để công dân có thể tiếp cận thông tin?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 10 của Luật, công dân được tiếp cận thông tin bằng hai cách thức: (1) Tự do tiếp cận thông tin được cơ quan nhà nước công khai; (2) Yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin.

Theo đó, các cơ quan nhà nước phải thực hiện hai phương thức tương ứng để công dân có thể tiếp cận thông tin, đó là: (1) Công khai thông tin; (2) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân (khoản 4 Điều 2 của Luật).

Trình tự, thủ tục công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân được quy định cụ thể tại Chương II và Chương III của Luật.

**Câu 15. Những hành vi nào bị nghiêm cấm trong việc tiếp cận, cung cấp thông tin?**

**Trả lời:**

Trong việc tiếp cận thông tin luôn có hành vi của hai chủ thể là cơ quan nhà nước/công chức, viên chức làm nhiệm vụ cung cấp thông tin và cá nhân, tổ chức tiếp cận thông tin. Để phòng ngừa hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin, Luật quy định một số hành vi bị cấm đối với cả hai chủ thể nói trên.

Đối với công chức, viên chức làm nhiệm vụ cung cấp thông tin, hành vi bị nghiêm cấm gồm: cố ý cung cấp thông tin sai lệch, không đầy đủ, trì hoãn việc cung cấp thông tin; hủy hoại; làm giả thông tin (khoản 1 Điều 11).

Đối với cả công chức, viên chức làm nhiệm vụ cung cấp thông tin và công dân tiếp cận thông tin, Nhà nước ban hành Luật với một trong những mục đích cơ bản là tạo điều kiện cho người dân có được nguồn thông tin chính thống, phục vụ cho nhu cầu của sản xuất, kinh doanh cũng như cuộc sống của họ. Trên tinh thần này, Điều 11 của Luật quy định nghiêm cấm việc cung cấp hoặc sử dụng thông tin để chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc; kích động bạo lực (khoản 2); cung cấp, sử dụng thông tin để xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân; uy tín của cơ quan, tổ chức (khoản 3).

Ngoài ra, nhằm bảo vệ công chức, viên chức khi thực hiện trách nhiệm cung cấp thông tin cũng như bảo vệ công dân khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin, Luật quy định nghiêm cấm hành vi cản trở, đe dọa, trù dập người yêu cầu, người cung cấp thông tin (khoản 4 Điều 11).

### **Câu 16. Luật quy định như thế nào về chi phí tiếp cận thông tin?**

#### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 12 của Luật, chi phí tiếp cận thông tin được thực hiện như sau:

(1) Công dân được cung cấp thông tin không phải trả phí, lệ phí, trừ trường hợp luật khác có quy định.

(2) Người yêu cầu cung cấp thông tin phải trả chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin.

Chi phí cung cấp thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư 46/2018/TT-BTC, cụ thể như sau:

(1) Tổ chức, cá nhân có yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin không phải trả phí, lệ phí cung cấp thông tin nhưng phải trả chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi thông tin yêu cầu cung cấp, gồm:

(i) Chi phí in, sao, chụp thông tin: Chi phí in, sao, chụp thông tin thực hiện theo mức thu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư. Đối với cơ quan nhà nước cung cấp thông tin đóng trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn mức thu bằng 70% mức thu quy định, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mức thu bằng 50% mức thu quy định (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được xác định theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

(ii) Chi phí gửi thông tin yêu cầu cung cấp thực hiện theo mức giá cước tối đa quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mức giá cước tối đa và chính sách miễn, giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

(2) Người yêu cầu cung cấp thông tin không phải trả chi phí gửi thông tin yêu cầu cung cấp qua mạng điện tử, fax.



**Câu 17. Quyền khiếu nại, khởi kiện, tố cáo trong tiếp cận thông tin được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Trong quá trình thực thi quyền tiếp cận thông tin, có thể xảy ra trường hợp cơ quan nhà nước hoặc công chức cung cấp thông tin không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của Luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Vì vậy, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người yêu cầu cung cấp thông tin, Luật đã quy định người yêu cầu cung cấp thông tin có quyền khiếu nại, khởi kiện các cơ quan cung cấp thông tin từ cấp Bộ trở xuống và các cơ quan đầu mối cung cấp thông tin gồm Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ.

Các trường hợp khiếu nại, khởi kiện liên quan tới việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin có thể là: người yêu cầu cung cấp thông tin bị từ chối cung cấp thông tin mà lý do từ chối không phù hợp với các căn cứ quy định tại Luật; thông tin được cung cấp không phải là thông tin mà người yêu cầu đề nghị; thông tin được cung cấp không đầy đủ, không chính xác nhưng không được cung cấp lại; quá thời hạn xem xét, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin mà chưa được cung cấp thông tin hoặc chưa nhận được thông báo của cơ quan được yêu cầu về lý do gia hạn; người yêu cầu phải trả chi phí tiếp cận thông tin trái với quy định của pháp luật...

Bên cạnh đó, Luật cũng quy định công dân có quyền tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin (khoản 2 Điều 14). Việc khiếu nại, khởi kiện, tố cáo trong việc tiếp cận thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, khởi kiện, tố cáo và pháp luật về tố tụng hành chính (khoản 3 Điều 14 của Luật).

**Câu 18. Người có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin sẽ bị xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 15 của Luật, người có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người cung cấp thông tin có một trong các hành vi quy định tại Điều 11 của Luật mà gây thiệt hại thì cơ quan nhà nước cung cấp thông tin phải bồi thường thiệt hại, cá nhân có hành vi vi phạm có trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp

luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; người thực hiện quyền tiếp cận thông tin sử dụng thông tin được cung cấp gây ảnh hưởng xấu đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

**Câu 19. Những thông tin nào cơ quan nhà nước phải chủ động công khai rộng rãi để công dân tiếp cận?**

**Trả lời:**

Những thông tin cơ quan nhà nước phải chủ động công khai rộng rãi để công dân tiếp cận được quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật, bao gồm:

- Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước;

- Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước;

- Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước mà đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật; đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính;

- Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước;

- Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thủ tục ngân sách nhà nước;

- Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ;

- Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn;

- Thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp; báo cáo giám sát tình hình thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và cơ quan nhà nước đại diện chủ sở hữu; thông tin về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

- Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát liên quan đến việc bảo vệ môi trường, sức khỏe của cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động;

- Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế do cơ quan nhà nước ban hành;

- Báo cáo công tác định kỳ; báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; cơ sở dữ liệu quốc gia ngành, lĩnh vực; thông tin về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học;

- Danh mục thông tin phải được công khai theo quy định của Luật; tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin;

- Thông tin liên quan đến lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng;

- Thông tin về thuế, phí, lệ phí;

- Thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật.

**Câu 20. Trong trường hợp thông tin không thuộc loại thông tin phải được công khai mà cơ quan nhà nước nhận thấy việc công khai thông tin là cần thiết thì cơ quan nhà nước có thể công khai hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật, ngoài thông tin cơ quan nhà nước phải công khai đã được liệt kê trong Luật, căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ

quan nhà nước chủ động công khai thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ. Quy định này nhằm tăng cường trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc chủ động công khai các thông tin, từ đó sẽ giảm tải việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân, giảm chi phí hành chính cũng như chi phí tiếp cận thông tin cho người dân.

Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 7 của Luật quy định: Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan nhà nước quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 của Luật.

Như vậy, trong trường hợp thông tin không thuộc loại thông tin phải được công khai mà cơ quan nhà nước nhận thấy việc công khai thông tin là cần thiết thì cơ quan nhà nước có thể công khai thông tin đó theo các quy định nêu trên.

### **Câu 21. Luật quy định các hình thức công khai thông tin như thế nào?**

#### **Trả lời:**

Để tạo điều kiện cho người dân dễ dàng tiếp cận thông tin và để có căn cứ cho cơ quan nhà nước thực hiện trách nhiệm công khai thông tin, bên cạnh việc quy định các loại thông tin cơ quan nhà nước có trách nhiệm công khai, Luật còn quy định các hình thức công khai thông tin (khoản 1 Điều 18), bao gồm:

(1) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

(2) Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng;

(3) Đăng Công báo;

(4) Niêm yết tại trụ sở cơ quan nhà nước và các địa điểm khác;

(5) Thông qua việc tiếp công dân, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật;

(6) Các hình thức khác thuận lợi cho công dân do cơ quan có trách nhiệm công khai thông tin xác định.

Đối với trường hợp pháp luật có quy định về hình thức công khai đối với thông tin cụ thể thì áp dụng quy định đó. Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức công khai thông tin thì căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan

nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin có thể lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai thông tin theo quy định của Luật bảo đảm để công dân tiếp cận được thông tin (khoản 2 Điều 18 của Luật),

Bên cạnh đó, trong quá trình công khai thông tin, cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin cần căn cứ vào đối tượng tiếp cận, nội dung thông tin và điều kiện thực tiễn của cơ quan cũng như đặc điểm ở địa phương để quyết định hình thức công khai thông tin cho phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí mà không áp dụng đồng thời tất cả các hình thức công khai thông tin nêu trên.

**Câu 22. Luật quy định như thế nào về thời điểm công khai thông tin?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 18 của Luật, thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Bên cạnh đó, Luật cũng có quy định trong trường hợp pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể về thời điểm công khai thông tin, thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày tạo ra thông tin, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải công khai thông tin.

**Câu 23. Trường hợp phát hiện thông tin công khai không chính xác thì phải xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 22 của Luật, việc xử lý các trường hợp thông tin công khai không chính xác được thực hiện như sau:

- Trường hợp phát hiện thông tin do mình tạo ra và đã được công khai không chính xác thì cơ quan đó có trách nhiệm kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

- Trường hợp phát hiện thông tin do cơ quan khác tạo ra nhưng do mình công khai không chính xác thì cơ quan đã công khai thông tin có trách nhiệm kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

- Trường hợp phát hiện thông tin do mình tạo ra nhưng được cơ quan khác công khai không chính xác thì cơ quan tạo ra thông tin có trách nhiệm yêu cầu cơ quan đã công khai thông tin kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

- Trường hợp công dân cho rằng thông tin công khai không chính xác thì kiến nghị với cơ quan đã công khai thông tin đó. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan đó có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác của thông tin và trả lời cho công dân; trường hợp xác định thông tin công khai không chính xác thì phải kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

- Thông tin công khai không chính xác bằng hình thức nào thì phải được đính chính bằng hình thức đó.

#### **Câu 24. Những thông tin nào được cung cấp theo yêu cầu?**

##### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 23 của Luật, những thông tin được cung cấp theo yêu cầu gồm:

Một là, những thông tin phải được công khai theo quy định tại Điều 17 của Luật, nhưng thuộc trường hợp: Thông tin trong thời hạn công khai nhưng chưa được công khai; thông tin hết thời hạn công khai theo quy định của pháp luật; thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được. Đây là những thông tin liên quan đến nhiều người, thông tin về tình hình kinh tế - xã hội của đất nước thuộc loại thông tin phải được công khai nhưng vì lý do khách quan hoặc chủ quan mà người yêu cầu cung cấp thông tin chưa tiếp cận được. Do vậy, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân.

Hai là, thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình đủ điều kiện cung cấp theo quy định tại Điều 7 của Luật. Đối với các loại thông tin này, người yêu cầu cung cấp thông tin phải có văn bản chấp thuận của cá nhân/tổ chức là chủ sở hữu bí mật kinh doanh, của cá nhân đối với thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, hoặc là thành viên của gia đình có thông tin liên quan đến bí mật gia đình.

Ba là, thông tin liên quan đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người yêu cầu cung cấp thông tin nhưng không thuộc loại thông tin quy định tại Điều 17 và khoản 2 Điều này như đã đề cập trên.

Như vậy, ngoài các thông tin phải được công khai và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện, thì công dân có quyền yêu cầu cung cấp các thông tin liên quan đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của mình.

Ngoài các thông tin quy định trên, căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn, điều kiện và khả năng thực tế của mình, cơ quan nhà nước có thể cung cấp thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ. Đây là quyền chủ động của cơ quan nhà nước trong trường hợp xét thấy khả năng thực tế của mình có thể cung cấp nhiều hơn các thông tin do mình tạo ra hoặc nắm giữ mà vẫn bảo đảm hoạt động bình thường của cơ quan và việc cung cấp thông tin là có lợi cho người dân thì cơ quan nhà nước có thể mở rộng phạm vi thông tin được cung cấp theo yêu cầu.

### **Câu 25. Các hình thức yêu cầu cung cấp thông tin?**

#### **Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật, có 02 hình thức yêu cầu cung cấp thông tin, gồm:

Thứ nhất, trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác đến trụ sở của cơ quan nhà nước yêu cầu cung cấp thông tin. Người tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm hướng dẫn người yêu cầu điền các nội dung vào Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin; trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin không biết chữ hoặc bị khuyết tật không thể viết yêu cầu thì người tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm giúp điền các nội dung vào Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin;

Thứ hai, gửi phiếu yêu cầu qua mạng điện tử, dịch vụ bưu chính, fax đến cơ quan cung cấp thông tin. Để bảo đảm tính chính xác, rõ ràng của yêu cầu cung cấp thông tin, thuận lợi cho hoạt động cung cấp thông tin, tại khoản 2 Điều 24 của Luật yêu cầu: Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin phải được thể hiện bằng tiếng Việt gồm các nội dung chính sau đây: Họ, tên; nơi cư trú, địa chỉ; số chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu của người yêu cầu; số fax, điện thoại, địa chỉ thư điện tử (nếu có); thông tin được yêu cầu cung cấp, trong đó chỉ rõ tên văn bản, hồ sơ, tài liệu; hình thức cung cấp thông tin; lý do, mục đích yêu cầu cung cấp thông tin (mẫu phiếu sử dụng trong cung cấp thông tin theo yêu cầu được quy định tại Nghị định 13/2018/NĐ-CP).

Ngoài ra, trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 của Luật thì phải kèm theo văn bản đồng ý của cá nhân, tổ chức liên quan.

**Câu 26. Việc tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin và giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước được Luật quy định như thế nào?**

#### **Trả lời:**

Việc tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin được quy định tại Điều 26 của Luật như sau: Cơ quan nhà nước có trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin và vào Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu; trường hợp Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin chưa đầy đủ, chưa rõ ràng nêu tại câu 25, cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm hướng dẫn người yêu cầu bổ sung; trường hợp thông tin được yêu cầu không thuộc trách nhiệm cung cấp thì cơ quan nhận được yêu cầu phải thông báo và hướng dẫn người yêu cầu đến cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin.

Việc giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin được quy định tại Điều 27 của Luật như sau: Khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin hợp lệ, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin thông báo về thời hạn, địa điểm, hình thức cung cấp thông tin; chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax (nếu có) và phương thức, thời hạn thanh toán; thực hiện việc cung cấp thông tin theo trình tự, thủ tục quy định tại Chương III của Luật.

**Câu 27. Cơ quan nhà nước được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin trong những trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Luật đã quy định 06 trường hợp từ chối yêu cầu cung cấp thông tin tại khoản 1 Điều 28, bao gồm:

Thứ nhất, thông tin được yêu cầu thuộc loại thông tin không được tiếp cận hoặc không đáp ứng được các điều kiện đối với loại thông tin được tiếp cận có điều kiện.

Thứ hai, thông tin được yêu cầu là các thông tin phải được công khai theo quy định tại Điều 17 của Luật, trừ trường hợp được yêu cầu cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Tiếp cận thông tin.

Thứ ba, thông tin được yêu cầu không thuộc trách nhiệm cung cấp.

Thứ tư, thông tin đã được cung cấp hai lần cho chính người yêu cầu, trừ trường hợp người yêu cầu có lý do chính đáng.

Thứ năm, thông tin được yêu cầu vượt quá khả năng đáp ứng hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan.

Thứ sáu, người yêu cầu cung cấp thông tin không thanh toán chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax.



Bên cạnh đó, để bảo đảm tính công khai, minh bạch trong hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước, khoản 2 Điều 28 của Luật quy định cơ quan được yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc từ chối cung cấp thông tin và nêu rõ lý do từ chối cho người yêu cầu. Việc nêu rõ lý do từ chối là rất cần thiết để người yêu cầu cân nhắc việc có khiếu nại hay không; đồng thời cũng sẽ là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết khiếu nại nếu như có khiếu nại của người yêu cầu.

**Câu 28. Việc cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin được thực hiện theo trình tự, thủ tục như thế nào?**

**Trả lời:**

Cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin là một trong các hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân. Tùy thuộc vào điều kiện, nhu cầu của mình, công dân có thể lựa chọn hình thức cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc hình thức khác, cụ thể:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật, đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay thì người yêu cầu cung cấp thông tin được trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu hoặc yêu cầu cung cấp ngay bản sao, bản chụp tài liệu; đối với thông tin phức tạp, không có sẵn mà cần tập hợp từ các bộ phận của cơ quan đó hoặc thông tin cần thiết phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải thông báo cho người yêu cầu đến trụ sở để đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu hoặc nhận bản sao, bản chụp tài liệu hoặc có văn bản thông báo về việc từ chối cung cấp thông tin.

Trường hợp cơ quan được yêu cầu cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thì có thể gia hạn nhưng không quá 10 ngày làm việc và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin.

**Câu 29. Việc cung cấp thông tin qua mạng điện tử được thực hiện trong các trường hợp nào? Trình tự, thủ tục ra sao?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 30 của Luật, việc cung cấp thông tin qua mạng điện tử được thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

(1) Việc cung cấp thông tin qua mạng điện tử được thực hiện khi có đủ các điều kiện: (i) Thông tin được yêu cầu phải là thông tin thuộc tập tin có sẵn và có thể truyền tải qua mạng điện tử; (ii) Cơ quan nhà nước có đủ điều kiện về kỹ thuật để cung cấp thông tin được yêu cầu qua mạng điện tử.

(2) Việc cung cấp thông tin qua mạng điện tử được thực hiện bằng các cách thức: (i) Gửi tập tin đính kèm thư điện tử; (ii) Cung cấp mã truy cập một lần; (iii) Chỉ dẫn địa chỉ truy cập để tải thông tin.

(3) Đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin.

(4) Đối với thông tin phức tạp, không có sẵn mà cần tập hợp từ các bộ phận của cơ quan đó hoặc thông tin cần thiết phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải thông báo bằng văn bản về thời hạn giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin. Chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin hoặc có văn bản thông báo từ chối cung cấp thông tin.

Trường hợp cơ quan được yêu cầu cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thì có thể gia hạn nhưng không quá 15 ngày và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin.

**Câu 30. Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 31 của Luật thì trình tự, thủ tục cung cấp thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax được thực hiện như sau:

(1) Đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin.

(2) Đối với thông tin phức tạp, không có sẵn mà cần tập hợp từ các bộ phận của cơ quan đó hoặc thông tin cần thiết phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải thông báo bằng văn bản về thời hạn giải quyết yêu

cầu cung cấp thông tin. Chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin hoặc có văn bản thông báo từ chối cung cấp thông tin.

Trường hợp cơ quan được yêu cầu cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 15 ngày và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin.

**Câu 31. Trách nhiệm xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác? Trình tự, thủ tục xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Nhằm bảo đảm thông tin được cung cấp phải kịp thời, chính xác, đầy đủ phù hợp với các nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, khắc phục tình trạng thực tế là đã có những thông tin không chính xác, không đúng sự thật gây dư luận xấu, ảnh hưởng đến trật tự và ổn định xã hội, Điều 32 của Luật quy định biện pháp xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác, cụ thể như sau:

(1) Trường hợp phát hiện thông tin do mình cung cấp không chính xác thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện, cơ quan nhà nước có trách nhiệm đính chính và cung cấp lại thông tin, trừ trường hợp xử lý thông tin do UBND cấp xã cung cấp được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 32 của Luật (nêu tại (3) dưới đây).

(2) Trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin cho rằng thông tin được cung cấp là không chính xác thì có quyền yêu cầu cơ quan đã cung cấp thông tin cung cấp lại thông tin chính xác. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm xác định tính chính xác của thông tin và trả lời cho người yêu cầu; nếu thông tin đã cung cấp không chính xác thì phải đính chính và cung cấp lại thông tin, trừ trường hợp xử lý thông tin do UBND cấp xã cung cấp được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 32 của Luật (nêu tại (3) dưới đây).

(3) Trường hợp UBND cấp xã không thể xác định được tính chính xác của thông tin do mình nắm giữ thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hoặc nhận được đề nghị của người yêu cầu cung cấp thông tin, UBND cấp xã phải đề nghị cơ quan tạo ra thông tin xem xét. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan tạo ra thông tin phải xác định tính chính xác

của thông tin và trả lời cho UBND cấp xã; nếu thông tin đã cung cấp không chính xác thì phải gửi kèm theo thông tin chính xác.

Chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được trả lời, UBND cấp xã phải đính chính lại thông tin hoặc thông báo cho người yêu cầu cung cấp thông tin biết.

**Câu 32. Để bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân các cơ quan nhà nước cần có biện pháp gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 33 của Luật, nhà nước có những biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, gồm:

(1) Bồi dưỡng nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ cung cấp thông tin trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân;

(2) Vận hành cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu thông tin mà cơ quan có trách nhiệm cung cấp theo quy định của Chính phủ;

(3) Tăng cường cung cấp thông tin thông qua hoạt động của người phát ngôn của cơ quan nhà nước và phương tiện thông tin đại chúng;

(4) Xác định đơn vị, cá nhân làm đầu mối cung cấp thông tin;

(5) Bố trí hợp lý nơi tiếp công dân để cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện của từng cơ quan;

6. Củng cố, kiện toàn công tác văn thư, lưu trữ, thống kê; trang bị phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và điều kiện cần thiết khác để người yêu cầu có thể trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu tại trụ sở cơ quan nhà nước và qua mạng điện tử.

(các quy định này được Chính phủ hướng dẫn chi tiết tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Nghị định 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018)

**Câu 33. Người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tạo điều kiện thực hiện quyền tiếp cận thông tin như thế nào?**

**Trả lời:**

Các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người sinh sống ở khu vực biên

giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin được thực hiện bằng nhiều hình thức phù hợp với các đối tượng, bao gồm:

(1) Việc cung cấp thông tin được thực hiện bằng nhiều hình thức phù hợp với các đối tượng, điều kiện khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bao gồm: (i) Thông qua Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước (nếu có); (ii) Thông qua hệ thống phát thanh, truyền hình trung ương, địa phương và các hệ thống truyền phát tin khác của địa phương; các chương trình phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc và các phương tiện thông tin đại chúng khác tại địa phương; (iii) Xây dựng tài liệu chuyên đề, tờ rơi, ấn phẩm; trong trường hợp cần thiết và khả thi thì có thể được chuyển tải bằng ngôn ngữ dân tộc; (iv) Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt cộng đồng để chia sẻ thông tin cho công dân; chia sẻ kinh nghiệm về hoạt động cung cấp thông tin cho các khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; (v) Lồng ghép hoạt động cung cấp thông tin trong các sự kiện văn hóa - chính trị của cơ quan, địa phương, trong kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông các chính sách mới của các cơ quan nhà nước trên địa bàn; (vi) Tăng thời lượng truyền, phát bản tin đối với loại thông tin liên quan đến cơ chế, chính sách của người dân sinh sống tại khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

(2) Căn cứ vào loại thông tin, đối tượng cần cung cấp thông tin, cơ quan nhà nước trên địa bàn quyết định lựa chọn một hoặc các hình thức cung cấp thông tin công khai rộng rãi hoặc các hình thức khác phù hợp với khả năng tiếp cận thông tin của công dân.

(3) Cơ quan cung cấp thông tin phải bảo đảm các hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu phù hợp với khả năng tiếp cận của người yêu cầu cung cấp thông tin và điều kiện thực tế của cơ quan; bố trí cán bộ, công chức hướng dẫn, giải thích cho người yêu cầu cung cấp thông tin; tăng cường cung cấp thông tin và tạo thuận lợi cho công dân tiếp cận thông tin bằng hình ảnh, video và các phương tiện nghe, nhìn khác.

(4) Cơ quan nhà nước tạo điều kiện và khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào việc xây dựng hệ thống thông tin công cộng; nâng cấp, đầu tư các trang thiết bị chuyên dùng phục vụ cho hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước ở khu vực

biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật liên quan.

(quy định tại Điều 2 Nghị định 13/2018/NĐ-CP)

**Câu 34. Người khuyết tật có được tạo điều kiện khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin hay không?**

**Trả lời:**

Các biện pháp bảo đảm để tạo điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật thực hiện quyền tiếp cận thông tin, bao gồm:

(1) Thông tin liên quan trực tiếp tới đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người khuyết tật phải được kịp thời công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng dưới các hình thức cung cấp thông tin thuận lợi cho người khuyết tật.

(2) Căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước thiết lập Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của cơ quan mình trong đó có cung cấp chức năng cơ bản để hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông cho việc tiếp cận thông tin đăng tải trên các Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử.

(3) Cơ quan cung cấp thông tin bảo đảm các hình thức cung cấp thông tin phù hợp với khả năng tiếp cận của người yêu cầu cung cấp thông tin và điều kiện thực tế của cơ quan; bố trí thiết bị nghe, nhìn và các thiết bị phụ trợ phù hợp với dạng và mức độ khuyết tật của người yêu cầu cung cấp thông tin và phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ quan mình; tạo điều kiện cho người yêu cầu cung cấp thông tin sử dụng các thiết bị nghe, nhìn, các thiết bị phụ trợ và các phương tiện kỹ thuật khác của cá nhân để tiếp cận thông tin theo yêu cầu.

(4) Cơ quan cung cấp thông tin bố trí cán bộ, công chức hướng dẫn, giải thích và giúp đỡ người khuyết tật gặp khó khăn trong việc điền Phiếu, ký Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin hoặc khó khăn trong việc tiếp cận thông tin.

(5) Lồng ghép các kiến thức, kinh nghiệm cung cấp thông tin đối với người khuyết tật trong các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao trình độ chuyên môn cho bộ phận đầu mối và cán bộ, công chức đầu mối cung cấp thông tin của cơ quan.

(6) Ưu tiên cung cấp thông tin cho người khuyết tật theo quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và pháp luật về người khuyết tật.